



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Kiên Giang

Số 28

Ngày 02 tháng 6 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

27-5-2024 Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. 02

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

27-5-2024 Quyết định số 1337/QĐ-UBND về việc ban hành chính sách hỗ trợ khác đối với hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương đoạn qua huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. 05

27-5-2024 Quyết định số 1428/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh mục các dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2021-2025 (Bổ sung năm 2023). 08

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16/2024/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 27 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1490/TTr-SGDĐT ngày 17 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học và các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa

1. Phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương

a) Nội dung và hình thức sách giáo khoa không mang định kiến về sắc tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, giới, lứa tuổi và địa vị xã hội.

b) Hệ thống câu hỏi, bài tập và yêu cầu hoạt động được thể hiện với các mức độ khác nhau phù hợp với đặc điểm, trình độ đối tượng học sinh và đặc điểm kinh tế, xã hội của địa phương.

c) Sách giáo khoa được in ấn chất lượng, có giá phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương.

2. Phù hợp với điều kiện tổ chức dạy và học tại cơ sở giáo dục phổ thông

a) Nội dung sách giáo khoa mang tính kế thừa, phù hợp với văn hóa, lịch sử, địa lí của địa phương, cộng đồng dân cư và mang tính chất mở, tính phân hóa cao, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường, tổ (nhóm) chuyên môn và giáo viên trong việc điều chỉnh, bổ sung những nội dung thích hợp, gắn với thực tiễn đảm bảo phù hợp với nhiều nhóm đối tượng học sinh của địa phương. Nội dung sách giáo khoa được triển khai phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện dạy học khác của cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; nguồn tài nguyên, học liệu điện tử hỗ trợ cho sách giáo khoa đa dạng, phong phú, hữu ích, dễ khai thác sử dụng.

b) Ngôn ngữ sử dụng trong sách giáo khoa được diễn đạt trong sáng, dễ hiểu, thể hiện chính xác nội dung cần trình bày, đảm bảo đúng quy định về chính tả và ngữ pháp; kênh chữ và kênh hình được bố cục hài hòa, đảm bảo tính thẩm mỹ; hệ thống ký hiệu, biểu tượng, đơn vị đo lường, bảng, biểu, đồ thị, bản đồ chính xác; kiểu chữ, cỡ chữ, các chữ viết tắt, phiên âm, tranh, ảnh, hình vẽ phù hợp với các đặc trưng môn học và tâm lý lứa tuổi học sinh.

c) Các chủ đề, các bài học trong sách giáo khoa được thiết kế phù hợp với nội dung chương trình môn học và tạo thuận lợi trong việc xây dựng, thực hiện kế hoạch

giáo dục theo điều kiện của từng cơ sở giáo dục, từng địa phương; tạo thuận lợi cho giáo viên trong việc lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tiêu chí ban hành theo Quyết định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2024 và thay thế Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Lưu Trung

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 1337/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 27 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH**Về việc ban hành chính sách hỗ trợ khác đối với hộ gia đình, cá nhân
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình
đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương đoạn qua
huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính
phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà
nước thu hồi đất;*

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 331/TTr-STNMT ngày 07 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ đối với hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương trên địa bàn huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang như sau:

1. Hỗ trợ thiệt hại các trang thiết bị ao nuôi tôm công nghiệp nằm ngoài ranh giải phóng mặt bằng đối với 05 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương đoạn qua huyện Kiên Lương theo Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương (trừ phần công đào ao Vkt63).

2. Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương căn cứ các quy định hiện hành tiến hành lập, phê duyệt phương án hỗ trợ; chịu trách nhiệm về số lượng thiệt hại các trang thiết bị, dự toán kinh phí hỗ trợ thiệt hại các trang thiết bị ao nuôi tôm công nghiệp đối với 05 hộ gia đình, cá nhân nằm ngoài ranh giải phóng mặt bằng bị ảnh hưởng bởi dự án nêu trên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao cho Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã có dự án đi qua; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH*(Đã ký)***Lâm Minh Thành**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 1428/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 27 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục các dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn
tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2021-2025 (Bổ sung năm 2023)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất;

Căn cứ Thông báo kết luận số 1268-TB/TU ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về danh mục kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 (Bổ sung năm 2023);

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 115/TTr-SKHĐT ngày 01 tháng 12 tháng 2023, Công văn số 405/KHĐT-KTĐN ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Báo cáo số 86/BC-SKHĐT ngày 16 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh mục các dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2021-2025 (*bổ sung năm 2023*), với tổng số dự án kêu gọi đầu tư là 13 dự án.

(Chi tiết Danh mục dự án theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 đính kèm)

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các sở ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức công bố danh mục các dự án tại Điều 1 của Quyết định này và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lâm Minh Thành

PHỤ LỤC 1
BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH,
GIẢI ĐOẠN 2021-2025 (Bổ sung năm 2023)

(Kèm theo Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Số TT	Tên dự án	Mục tiêu đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô (ha)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Hiện trạng Đất (Đất đã giải phóng mặt bằng; đất nhà nước quản lý, đất của dân, cây lâu năm, cây hàng năm, nhà)	Phù hợp với quy hoạch		Tọa độ		Cơ quan đề xuất	Ghi chú
							x	y	x	y		
I	Khu, Cụm Công nghiệp											
1	Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Cái Tư	- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN; - Mời gọi các nhà đầu tư thứ cấp thực hiện các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong CCN.	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao	70	1.025,50	Đất nông nghiệp của dân đang sử dụng	- Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện tại Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh; - Phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện tại Quyết định 2937/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh; - Đã tích hợp vào Phương án phát triển CCN đến năm 2030	1079092.182 1079678.939 1079744.437 1079810.841 1079878.566 1079931.355 1079853.402 1079728.445 1079556.935 1079472.918 1079072.540 1079044.207 1079003.683	594601.997 594566.051 594607.541 594642.128 594704.198 594726.029 594974.505 595210.763 595401.548 595522.284 595717.979 595691.798 595678.081	Sở Công Thương		

2	Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vĩnh Phong	- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN; - Mời gọi các nhà đầu tư thứ cấp thực hiện các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong CCN.	xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận.	50	692,50	Đất nông nghiệp của dân đang sử dụng	- Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện tại Quyết định số 1057/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của UBND tỉnh; - Phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện tại Quyết định 2962/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của UBND tỉnh; - Phê duyệt quy hoạch CCN tại Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh.	1048053.99 1047534.13 1046966.55 1047491.59 1047562.03 1047435.22 1047823.34 1047948.67	579224.47 579753.59 579184.49 578652.19 578723.87 578844.73 579244.55 579117.30	Sở Công Thương	
3	Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Bình Trị	- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN; - Mời gọi các nhà đầu tư thứ cấp thực hiện các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong CCN.	xã Bình Trị, huyện Kiên Lương	50	652,5	Đất nông nghiệp của dân đang sử dụng	- Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện tại Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của UBND tỉnh; - Phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện tại Quyết định số 3309/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh; - Đã tích hợp vào Phương án phát triển CCN đến năm 2030	1130576.33 1129954.27 1129223.28 1130037.10 1130576.33	517708.96 517742.52 517767.72 517195.51 517708.96	Sở Công Thương	
II Thương mại-du lịch-nghỉ dưỡng											
4	Chợ xã An Minh Bắc	Mua bán trao đổi hàng hóa	xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng	0,93	12	Đất nông nghiệp của dân đang sử dụng	- Phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất của huyện; - QĐ số 4465a/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện U Minh Thượng về việc phê duyệt điều chỉnh Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn trung tâm xã An Minh Bắc	558785,1 559135,7 559194,8 558790,8	1063607,3 1063606,9 1063548,3 1063551,3	UBND huyện U Minh Thượng	

5	Chợ Vĩnh Hòa (Chợ Sân Gạch)	Mua bán trao đổi hàng hóa	xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng	0,48	6	Đất nông nghiệp của dân đang sử dụng	- Phù hợp quy hoạch sử dụng đất của huyện; - QĐ số 4393/QĐ-UBND ngày 9/12/2022 của UBND huyện U Minh Thượng về việc phê duyệt điều chỉnh Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn Trung tâm xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng	575152.5 575202.8 575252.1 575200.5	1069120.3 1069142.7 1069010.9 1068991.7	UBND huyện U Minh Thượng
6	Chợ Thầy Quron	Mua bán trao đổi hàng hóa	ấp Vĩnh Chánh, xã Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng	0,67	8	Đất nông nghiệp của dân đang sử dụng	- Phù hợp quy hoạch sử dụng đất của huyện; - QĐ số 3695/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện U Minh Thượng về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Chợ và điểm dân cư nông thôn Thầy Quron, xã Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng	577062.335 577158.590 577191.260 577115.053	1075063.915 1075074.887 1075010.3980 1074993.992	UBND huyện U Minh Thượng
7	Chợ Vĩnh Tiên	Mua bán trao đổi hàng hóa	ấp Vĩnh Tiên, xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng	0,48	9	Đất nông nghiệp của dân đang sử dụng	- Phù hợp quy hoạch sử dụng đất của huyện; - QĐ số 3692/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện U Minh Thượng về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Chợ và điểm dân cư nông thôn Vĩnh Tiên, xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng	578844.1 578906.2 578868.2 578821.6	1067246.2 1067227.1 1067110.6 1067180.6	UBND huyện U Minh Thượng
8	Khu nghỉ dưỡng Nam Du Bay	Đầu tư phát triển các loại hình du lịch, vui chơi giải trí...	xã Nam Du, huyện Kiên Hải	1,50	7	Đất nông nghiệp của dân đang sử dụng	- Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kiên Hải. - Phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng xã Nam Du được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 18/11/2022.	488343.6735 488461.3688 488476.4000 488437.9400 488428.1280 488332.2991	1065782.7849 1065777.5844 1065710.7500 1065699.7100 1065641.1112 1065646.4317	UBND huyện Kiên Hải

9	Dự án Khu phức hợp Bãi Cây Mến	Đầu tư phát triển các loại hình du lịch, khách sạn, vui chơi giải trí...	Xã An Sơn, huyện Kiên Hải	5,27	500	Đất nông nghiệp của dân đang sử dụng	<p>- Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kiên Hải.</p> <p>- Phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng xã An Sơn được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 18/11/2022</p>	483536.78 483543.37 483554.92 483564.63 483575.72 483579.77 483585.78 483575.34 483574.32 483593.73 483604.21 483593.27 483583.12 483565.94 483575.56 483596.82 483602.26 483607.86 483619.21 483607.70 483590.44 483591.18 483591.58 483594.48 483605.03 483615.63 483625.87 483627.65 483626.39 483622.44 483620.59 483617.21 483610.26 483606.39 483605.82 483603.86 483599.04 483592.92	1069323.18 1069321.51 1069316.46 1069309.71 1069297.55 1069289.14 1069276.22 1069273.54 1069201.27 1069142.58 1069098.26 1069036.57 1069006.09 1068984.29 1068972.78 1069001.65 1069018.07 1069034.98 1069101.69 1069147.97 1069201.12 1069204.73 1069201.49 1069192.63 1069172.90 1069155.03 1069126.12 1069110.82 1069097.12 1069079.92 1069073.09 1069061.20 1069041.04 1069020.71 1069016.99 1069004.21 1068991.76 1068979.85	UBND huyện Kiên Hải	
---	--------------------------------	--	---------------------------	------	-----	--------------------------------------	---	--	--	---------------------	--

								483587.69	1068971.72		
								483579.71	1068959.94		
								483573.10	1068951.67		
								483555.12	1068930.55		
								483542.00	1068938.26		
								483527.81	1068946.59		
								483544.28	1068989.94		
								483548.29	1069028.89		
								483516.19	1069069.30		
								483483.49	1069094.31		
								483450.40	1069113.42		
								483423.97	1069110.62		
								483374.32	1069104.62		
								483352.79	1069095.69		
								483311.72	1069088.01		
								483298.01	1069113.33		
								483308.43	1069117.58		
								483318.01	1069123.00		
								483324.86	1069127.66		
								483333.30	1069135.46		
								483336.17	1069138.81		
								483350.78	1069157.23		
								483359.09	1069171.07		
								483377.44	1069202.55		
								483390.76	1069217.54		
								483397.47	1069226.23		
								483407.03	1069242.85		
								483414.33	1069256.38		
								483416.31	1069259.83		
								483422.95	1069267.29		
								483438.33	1069280.03		
								483481.60	1069301.08		
								483515.74	1069318.20		
								483524.57	1069321.89		
								483536.78	1069323.18		

III Lĩnh vực nhà ở và phát triển đô thị										
10	Dự án đầu tư Khu dân cư cao cấp Gia Phát	Đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, kết hợp bố trí TM-DV và hồ cảnh quan	Xã Tân Khánh Hòa	9,976	84,3	Đất nông nghiệp của người dân quản lý sử dụng;	<p>- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt tại Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2022.</p> <p>- Quy hoạch chi tiết xây dựng khu Thương mại và dân cư đô thị Tân Khánh Hòa, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang, quy mô 98,3631ha, tỷ lệ 1/500 đã phê duyệt tại quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND huyện Giang Thành.</p>	1164069,95 1164042,86 1163979,50 1163911,20 1163878,68 1163802,62 1163769,04 1163762,05 1163498,39 1163505,69 1163595,40 1163591,91 1163584,55 1163738,48 1163759,06 1163772,27 1163875,60	515733,05 515733,73 515740,84 515750,17 515753,11 515761,90 515764,67 515699,72 515712,84 515559,45 515559,45 515536,49 515479,63 515467,26 515467,29 515542,67 515531,76	UBND huyện Giang Thành

11	Dự án đầu tư Khu dân cư Phú Gia Phát Châu Thành	Đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu dân cư	Xã Vĩnh Hòa Hiệp, Châu Thành	5,48	53,70	Đất nông nghiệp của và nhà đầu tư trồng đầu giá quyền sử dụng đất từ Doanh nghiệp khác	-Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của UBND của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Châu Thành. -Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt tại Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2022. - Phù hợp Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030 tại Quyết định 495/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND huyện Châu Thành,.	1098228,26 1098114,97 1098084.24 1098050.73 1098023.79 1098008,42 1097980.81 1097950,47 1097920.46 1097902,21 1097887,12 1098000,23 1098035,51 1098071,82 1098114,65 1098181,51 1098228.26 1098008,66 1097997,51 1097957 1097949,34 1097959,93 1097967.83 1098008,66	570217,58 570282.35 570299,92 570319.07 570334.48 570343,26 570359.04 570290,51 570225.77 570186,4 570153.86 570070.93 570039.30 570100.01 570171.64 570141,11 570217.58 570056.21 570067,35 569998.25 569985.19 569976.80 569989,68 570056.21	UBND huyện Châu Thành
IV Lĩnh vực An sinh - xã hội; môi trường										
12	Dự án đầu tư Nhà máy nước sạch liên xã Vĩnh Tuy - Vĩnh Thắng	Đầu tư đồng bộ nhà máy xử lý nước sạch, hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt cho các hộ dân xã Vĩnh Tuy, Vĩnh Thắng và các vùng lân cận	Ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Thắng, Gò Quao	0,41	20	Đất của người dân đang sử dụng	- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Gò Quao đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 22/6/2022, Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 13/2/2023. - Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Thắng	1066936,73 1066918,65 1066912,91 1066828,23 1066847,01 1066930,96 1066936,73	592760,10 592768,64 592756,70 592580,75 592573,80 592748,11 592760,10	UBND huyện Gò Quao

							được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt tại Quyết định số 2382/QĐ-UBND ngày 20/7/2017				
--	--	--	--	--	--	--	---	--	--	--	--

PHỤ LỤC 2
BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (có đất nhà nước quản lý),
GIẢI ĐOẠN 2021-2025 (Bổ sung năm 2023)

(Kèm theo Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Số TT	Tên dự án	Mục tiêu đầu tư	Địa điểm đầu tư	Quy mô (ha)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Hiện trạng Đất (Đất đã giải phóng mặt bằng; đất nhà nước quản lý, đất của người dân, cây lâu năm, cây hàng năm, nhà)	Phù hợp với quy hoạch	Tọa độ		Cơ quan đề xuất	Ghi chú
								x	y		
I Khu, Cụm Công nghiệp											
1	Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Long Thạnh	- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN; - Mời gọi các nhà đầu tư thứ cấp thực hiện các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong CCN.	xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng	32	481,60	Đất của Nhà nước một phần, đất dân đang sử dụng một phần	- Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện tại Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của UBND tỉnh; phê duyệt bổ sung vào Danh mục dự án cần thu hồi đất năm 2023 tại Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 23/6/2023 của HĐND tỉnh. - Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng vùng huyện tại Quyết định số 3040/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh; - Phê duyệt quy hoạch CCN tại Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh.	1089781.42 1089809.26 1089785.68 1089779.06 1089600.50 1089606.35 1089539.61 1089518.66 1089518.84 1089520.17 1089439.96 1089421.64 1089254.39 1089221.57 1089781.42	580028.91 580500.42 580525.11 580418.73 580581.34 580692.47 580758.37 580750.58 580753.24 580783.44 580771.56 580676.76 580615.92 580062.13 580028.91	UBND huyện Giồng Riềng (Sở Công Thương)	Khu vực dự án có đất nhà nước, thực hiện công bố danh mục dự án theo quy định

VĂN PHÒNG UBND TỈNH KIÊN GIANG XUẤT BẢN

Địa chỉ: 06 Nguyễn Công Trứ, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang;

Điện thoại: 02973.862.135;

Fax: 0297.3862687;

Email: congbao@kiengiang.gov.vn;

Website: <http://congbao.kiengiang.gov.vn>;